

Bảng Phân tích Nhu cầu Tài chính

I. Thông tin Khách hàng:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN A Ngày sinh: 01/01/1988
Giới tính: Nam Nữ
Tình trạng hôn nhân: Độc thân Đã kết hôn Ly hôn Góa

II. Thông tin tài chính:

Bảng phân tích này nhằm mục đích nhận diện nhu cầu tài chính và nhu cầu bảo hiểm dựa trên khả năng tài chính của Quý khách, là cơ sở để Chubb Life cung cấp giải pháp tài chính phù hợp trong danh mục sản phẩm của Công ty.

Quý khách vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây dựa trên khả năng và nhu cầu tài chính của mình.

NHU CẦU TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

	SỐ TIỀN CẦN CÓ (1)	SỐ TIỀN ĐÃ CÓ (2)	KHOẢN THIẾU HỤT (1)-(2)
Bảo vệ tài chính			
Tai nạn, thương tật	500	100	400
Bệnh nan y	500	150	350
Quỹ y tế dự phòng			0
Tiết kiệm/Tích lũy			
Quỹ học vấn	150	50	100
Quỹ hưu trí			0
Nhu cầu mua sắm, chi tiêu			0
Đầu tư			
Gia tăng tài sản (xây nhà, mua đất,...)	500	100	400
Tạo vốn kinh doanh	1.000	200	800
Nhu cầu khác			0
Tổng cộng	2.650	600	2.050

KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thông tin thu nhập (1)		Thông tin chi phí (2)	
Thu nhập bình quân hàng tháng của gia đình	100	Chi phí bình quân hàng tháng của gia đình	50
Thu nhập bình quân hàng năm của gia đình	1.200	Chi phí bình quân hàng năm của gia đình	600
Khả năng tài chính = Thu nhập – Chi phí		600	

III. Xác nhận của khách hàng:

- Tôi hiểu rõ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này chỉ nhằm mục đích giúp tôi nhận diện nhu cầu và mục tiêu tài chính. Thông tin này chỉ mang tính chất tham khảo và đây không phải là một văn bản mang tính kết luận. Bảng phân tích nhu cầu tài chính này được hoàn thành dựa trên các thông tin do tôi cung cấp.
- Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc lựa chọn sản phẩm bảo hiểm/kế hoạch bảo hiểm tham gia và/hoặc việc thay đổi về các giải pháp bảo hiểm trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nộp về Công ty, nếu có.

Ngày Tháng Năm	Chữ ký	Họ tên
Khách hàng		NGUYỄN VĂN A

Ngày Tháng Năm	Mã số	Họ tên
Đại diện Kinh doanh		

Phiếu Khảo sát Mức độ Chấp nhận Rủi ro trong Đầu tư

I. Thông tin chung:

1. Khách hàng

Họ và tên:

NGUYỄN VĂN A

2. Đại diện Kinh doanh (ĐDKD)

Họ và tên:

Mã số đại lý:

II. Khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro:

Nội dung khảo sát này nhằm hỗ trợ Quý khách trong việc quyết định lựa chọn các quỹ đầu tư phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro của mình.

Quý khách vui lòng đánh dấu X vào câu trả lời thích hợp dựa trên mục tiêu và quan điểm đầu tư của riêng mình.

Câu hỏi	Câu trả lời	Điểm số
1. Quý khách đang ở nhóm tuổi nào?	Trên 60 tuổi	<input type="checkbox"/> 1
	Từ 46 tuổi đến 60 tuổi	<input type="checkbox"/> 2
	Từ 35 tuổi đến 45 tuổi	<input checked="" type="checkbox"/> 3
	Dưới 35 tuổi	<input type="checkbox"/> 4
2. Quý khách đã tham gia hoạt động đầu tư nào? Có thể chọn nhiều câu trả lời	Chưa tham gia đầu tư (chuyển đến câu 5)	<input type="checkbox"/> 0
	Tiền gửi tiết kiệm, mua/ bán vàng miếng	<input type="checkbox"/> 1
	Bất động sản	<input checked="" type="checkbox"/> 2
	Chứng khoán (giao dịch cổ phiếu, trái phiếu,...)	<input checked="" type="checkbox"/> 3
	Giao dịch vàng, chứng khoán phái sinh, ngoại hối,...	<input checked="" type="checkbox"/> 4
3. Quý khách vui lòng cho biết thời gian đã tham gia đầu tư đối với loại hình đầu tư mà Quý khách có kinh nghiệm lâu nhất?	Dưới 6 tháng	<input type="checkbox"/> 1
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	<input type="checkbox"/> 2
	Từ 1 đến 3 năm	<input type="checkbox"/> 3
	Trên 3 năm	<input checked="" type="checkbox"/> 4
4. Quý khách vui lòng đánh giá mức độ kinh nghiệm trong (những) hoạt động đầu tư nêu trên của mình?	Rất hạn chế: chưa có kinh nghiệm đầu tư	<input type="checkbox"/> 1
	Hạn chế: có rất ít kinh nghiệm đầu tư và cần hỗ trợ thêm	<input type="checkbox"/> 2
	Trung bình: có một số kinh nghiệm về đầu tư nhưng vẫn cần hỗ trợ thêm	<input type="checkbox"/> 3
	Chuyên sâu: thường xuyên đầu tư và hoạt động đầu tư có hiệu quả	<input checked="" type="checkbox"/> 4

5. Quý khách dự định đầu tư tối đa trong bao lâu?	Ngắn hạn (Dưới 5 năm)	<input type="checkbox"/>	1		
	Trung hạn (Từ 5 - 10 năm)	<input type="checkbox"/>	2		
	Dài hạn (Trên 10 năm)	<input checked="" type="checkbox"/>	3		
6. Danh mục đầu tư nào phù hợp với Quý khách? <i>Lưu ý: việc đầu tư luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Rủi ro càng cao thì nhiều khả năng lợi nhuận sẽ càng lớn. Ngược lại, rủi ro càng thấp thì lợi nhuận cũng sẽ càng thấp.</i>	Danh mục đầu tư	Lợi nhuận đầu tư hàng năm thấp nhất	Lợi nhuận đầu tư hàng năm cao nhất	Điểm	
	1	-0.2%	5%	<input type="checkbox"/>	1
	2	-5%	10%	<input type="checkbox"/>	2
	3	-10%	15%	<input type="checkbox"/>	3
	4	-20%	30%	<input checked="" type="checkbox"/>	4
Tổng điểm	27				
Mức độ chấp nhận rủi ro	Rất cao				

III. Mô tả về mức độ chấp nhận rủi ro:

Điểm số	≤ 11	12- 17	18 - 20	21 – 24	>24
Mức độ chấp nhận rủi ro	Thận trọng	Tương đối thận trọng	Cân bằng về đầu tư	Cao	Rất cao
Các Quỹ nên tập trung	Quỹ Bền vững	Quỹ Bền vững và Quỹ Cân bằng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Cân bằng và Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Tăng trưởng

IV. Xác nhận của khách hàng:

- Tôi đã được Đại diện Kinh doanh của Chubb Life giải thích rõ ràng, đầy đủ về Phiếu Khảo sát Mức độ Chấp nhận Rủi ro trong đầu tư. Theo đó, tôi xác nhận rằng các thông tin do tôi cung cấp như trên là chính xác, đúng sự thật. Tôi đồng ý và xác nhận rằng Phiếu khảo sát này chỉ có giá trị tham khảo giúp tôi hiểu rõ hơn về mức độ chấp nhận rủi ro của mình trong đầu tư và Phiếu khảo sát này không đưa ra hay cung cấp bất kỳ chỉ dẫn, cam kết hay hứa hẹn nào về khoản lợi nhuận thu được trong đầu tư.
- Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình cũng như chấp nhận mọi rủi ro xảy ra đối với (các) khoản tiền tôi đầu tư vào (các) Quỹ do tôi lựa chọn.

Ngày Tháng Năm	Chữ ký	Họ tên
Khách hàng		NGUYỄN VĂN A

Ngày Tháng Năm	Mã số	Họ tên
Đại diện Kinh doanh		

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CHỦ ĐỘNG

Đầu tư vững tâm - Bảo vệ vững vàng

ĐẦU TƯ VỮNG TÂM



Tăng trưởng tài sản trong dài hạn

Cơ hội gia tăng tài sản với Tỷ suất sinh lời tiềm năng trong dài hạn.



Quý đầu tư chuyên nghiệp

Các Quỹ Liên kết Đơn vị được quản lý bởi các chuyên gia đầu tư chuyên nghiệp, uy tín và giàu kinh nghiệm từ VinaCapital.



Chủ động và linh hoạt

Chủ động đầu tư vào các Quỹ tùy theo khẩu vị rủi ro và linh hoạt chuyển đổi quỹ, đầu tư thêm hoặc rút tiền từ tài khoản.



Món quà Tuổi vàng 75

Món quà đặc biệt Chubb Life gửi đến khách hàng tại tuổi 75 khi hoàn lại 50% Phí rủi ro của sản phẩm chính.



BẢO VỆ VỮNG VÀNG



3 gói Quyền lợi bảo vệ

Đáp ứng nhu cầu bảo vệ đa dạng với 03 gói : Quyền lợi 65, Quyền lợi 80 và Quyền lợi 99.



Bảo vệ toàn diện

Tối ưu lá chắn bảo vệ với bộ Sản phẩm Bảo hiểm Bổ trợ đa dạng, toàn diện.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”)

hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ hơn 1.384 tỷ đồng.



Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Thông tin liên hệ

Điện thoại: (84-28) 3827 8989

Hotline: (84-28) 3827 8123

Fax: (84-28) 3821 9000

E-mail: chubblife.vietnam@chubb.com

Website: <https://life.chubb.com/vn>

Thông tin Đại diện kinh doanh (ĐDKD):

Họ và Tên:

Mã số ĐDKD:

Chứng chỉ Đại lý Bảo hiểm Cơ bản:

Chứng chỉ Đại lý Bảo hiểm Liên kết Đơn vị:

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính – Tuổi	Nhóm nghề	Mối quan hệ với BMBH
Bên mua Bảo hiểm (BMBH)	NGUYỄN VĂN A	01/01/1988	NAM - 35	1
Người được Bảo hiểm (NDBH) 1	NGUYỄN VĂN A	01/01/1988	NAM - 35	1

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM VÀ TỶ LỆ ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm Bảo hiểm	NDBH	Điều kiện Bảo hiểm (*)	Mệnh giá Bảo hiểm (MGBH)	Tuổi NDBH khi đáo hạn	Phí Bảo hiểm (Phí BH) hàng năm(**)	
Sản phẩm Bảo hiểm chính						
Kế hoạch Tài chính Chủ động <i>Quyền lợi 65</i>	1	S/S	1.000.000.000	65	16.530.000	
Sản phẩm Bảo hiểm Bồi trợ (***) Nhóm 1						
1	Bảo hiểm Tử vong hoặc Tàn tật do Tai nạn Mở rộng	1	S/S	1.000.000.000	65	1.800.000
2	Bảo hiểm Thương tật Toàn bộ và Vĩnh viễn	1	S/S	1.000.000.000	65	2.350.000
3	Bảo hiểm Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng	1	S/S	500.000	65	1.257.200
4	Bảo hiểm theo Mức độ cho Bệnh Nan Y	1	S/S	1.000.000.000	65	14.230.000

Tổng cộng: 36.167.200

	<input checked="" type="checkbox"/> Năm	<input type="checkbox"/> Nửa năm	<input type="checkbox"/> Quý
Phí BH cơ bản theo kỳ của Sản phẩm Bảo hiểm chính (1)	16.530.000	8.265.000	4.132.500
Phí BH bổ sung theo kỳ của (các) Sản phẩm Bảo hiểm Bồi trợ Nhóm 1 (2)	19.637.200	9.818.600	4.909.300
Tổng phí BH theo kỳ (3 = 1+2)	36.167.200	18.083.600	9.041.800
Phí BH đóng thêm (dự kiến) (4)	13.832.800	6.916.400	3.458.200
Tổng phí BH dự kiến đóng theo kỳ (5 = 3+4)	50.000.000	25.000.000	12.500.000
Thời gian đóng phí bắt buộc	03 năm		
Thời gian đóng phí (dự kiến)(****)	20 năm		

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN VĂN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN VĂN A

Tài liệu minh họa số: **IBBQ 20230313151410 - 17007400**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 06/02/2023

Chữ ký:

Trang 7/ 23

Ngày lập: 13/03/2023 15:14:10

CHH0NBEL230010V

Ghi chú:

- (*) Điều kiện Bảo hiểm: S/S là điều kiện bảo hiểm chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
- (**) Phí BH hàng năm: là Phí BH tối thiểu mà BMBH phải đóng mỗi năm cho Sản phẩm Bảo hiểm chính, (các) Sản phẩm Bảo hiểm Bổ trợ (SPBHBT) Nhóm 1 và (các) Sản phẩm Bảo hiểm Bổ trợ Nhóm 2 (nếu có).
- (***) Việc tham gia (các) Sản phẩm Bảo hiểm Bổ trợ không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia Sản phẩm Bảo hiểm chính.
- (****) Thời hạn đóng phí bảo hiểm bằng với Thời hạn Hợp đồng Bảo hiểm (HĐBH), tuy nhiên BMBH có thể lựa chọn thời hạn đóng phí dự kiến theo khả năng tài chính và nhu cầu bảo hiểm (tối thiểu là 3 năm) và nên đóng phí đầy đủ và đúng hạn để có thể đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.
- Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm chính và các Sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ và các biểu mẫu, tài liệu liên quan đến sản phẩm được đăng tải tại <https://www.chubb.com/vn-vn/personal/premier-variable-universal-life.html>, Quý khách vui lòng truy cập để tham khảo để nắm các thông tin chi tiết.

TỶ LỆ ĐẦU TƯ VÀO CÁC QUỸ

Tỷ lệ Đầu tư (%) BMBH chỉ định để phân bổ (các) khoản phí bảo hiểm vào (các) Quỹ Liên kết Đơn vị như sau:

Quỹ Liên kết Đơn vị	Phí BH cơ bản và Phí BH bổ sung của SPBHBT Nhóm 1	Phí BH đóng thêm
Quỹ Tăng trưởng	100%	100%
Quỹ Cân bằng	0%	0%
Quỹ Bền vững	0%	0%
Tổng Tỷ lệ đầu tư	100%	100%

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

III. GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM**SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH**

Người được Bảo hiểm 1		
A. Quyền lợi Đầu tư	Thời điểm chi trả	Số tiền chi trả (đồng)
Quyền lợi Duy trì Hợp đồng	Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 10 và của Năm hợp đồng thứ 20	<ul style="list-style-type: none"> Cuối Năm hợp đồng thứ 10: 20% Phí BH cơ bản tại cuối Năm hợp đồng đầu tiên Cuối Năm hợp đồng thứ 20: 50% Phí BH cơ bản tại cuối Năm hợp đồng đầu tiên
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm (HĐBH)	Toàn bộ Giá trị Tài khoản Hợp đồng
B. Quyền lợi Bảo hiểm	Sự kiện Bảo hiểm	Số tiền Bảo hiểm (đồng)
QLBH Tử vong	Tử vong	1.000.000.000 cộng với GTKK Cơ bản và GTKK Đầu tư thêm

GTTKHĐ: Giá trị Tài khoản Hợp đồng; GTKK Cơ bản: Giá trị Tài khoản Cơ bản; GTKK Đầu tư thêm: Giá trị Tài khoản Đầu tư thêm

Lưu ý:

- Trường hợp Sự kiện Bảo hiểm xảy ra trước khi NĐBH1 đạt 04 Tuổi Bảo hiểm, Số tiền Bảo hiểm chi trả sẽ được điều chỉnh giới hạn theo tuổi NĐBH1 được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm chính trong HĐBH.
- Điều kiện để được chi trả Quyền lợi Duy trì Hợp đồng: Trong suốt 10 Năm hợp đồng liền kề trước thời điểm xem xét chi trả quyền lợi này, Hợp đồng Bảo hiểm phải đáp ứng đủ tất cả các điều kiện sau đây:
 - Hợp đồng Bảo hiểm chưa từng bị mất hiệu lực;
 - Không có bất cứ giao dịch rút tiền từ Giá trị Tài khoản Cơ bản;
 - Không có bất cứ yêu cầu giảm Mệnh giá Bảo hiểm của Sản phẩm Bảo hiểm chính; và
 - Phí Bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ trong mỗi Năm hợp đồng.
- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm chính.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN VĂN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN VĂN A

Tài liệu minh họa số: **IBBQ 20230313151410 - 17007400**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 06/02/2023

Chữ ký:

Trang 9/ 23

Ngày lập: 13/03/2023 15:14:10

CHH0NBEL230010V

SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ TRỢ (“SPBHBT”) NHÓM 1

SPBHBT Nhóm 1 dành cho Người được Bảo hiểm 1		
Sản phẩm Bảo hiểm	Sự kiện Bảo hiểm	Số tiền Bảo hiểm (đồng)
Bảo hiểm Tử vong hoặc Tàn tật do Tai nạn Mở rộng	Chấn thương nội tạng, xương khớp, bỏng hoặc tàn tật do tai nạn	% của 1.000.000.000 tùy theo tỷ lệ thương tật
	Tử vong do Tai nạn khi đang du lịch nước ngoài do công ty du lịch của Việt Nam tổ chức	3.000.000.000
	Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên phương tiện vận chuyển công cộng	2.000.000.000
	Tử vong do tai nạn	1.000.000.000
Bảo hiểm Thương tật Toàn bộ và Vĩnh viễn	Thương tật Toàn bộ và Vĩnh viễn	1.000.000.000
Bảo hiểm Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng	Nằm viện điều trị	<ul style="list-style-type: none">• 500.000/Ngày nằm viện do Bệnh• 750.000/Ngày nằm viện do Tai nạn• 1.000.000/Ngày nằm viện điều trị tại Khoa Hồi sức tích cực Và, nhận thêm lên đến 10.000.000 đồng nếu có Phẫu thuật
Bảo hiểm theo Mức độ cho Bệnh Nan Y	Mắc Bệnh Nan Y trẻ em (trước khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm)	1.000.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 1 (sau khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm trở lên)	300.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 2 (sau khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm trở lên)	600.000.000 + Miễn khấu trừ Phí rủi ro của SPBHBT này
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 3 (sau khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm trở lên)	1.000.000.000

Lưu ý:

- Trường hợp Sự kiện Bảo hiểm xảy ra với NĐBH1 trước khi đạt 04 Tuổi Bảo hiểm, Số tiền Bảo hiểm chi trả sẽ được điều chỉnh theo mức giới hạn được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của (các) SPBHBT Nhóm 1 tham gia trong HĐBH.
- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm tham gia trong HĐBH.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN VĂN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN VĂN A

Tài liệu minh họa số: **IBBQ 20230313151410 - 17007400**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 06/02/2023

Chữ ký:

Trang 10/ 23

Ngày lập: 13/03/2023 15:14:10

CHH0NBEL230010V

IV. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

1. Trường hợp BMBH chỉ đóng phí BH trong 3 năm hợp đồng đầu tiên (thời gian đóng phí bắt buộc)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí bảo hiểm		Phí ban đầu		Phí BH được phân bổ			Khoản Khấu trừ hàng tháng*		
		Phí BH cơ bản	Phí BH bổ sung	Phí BH cơ bản	Phí BH bổ sung	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững	Phí rủi ro	Phí quản lý hợp đồng	
1	36	16.530	19.637	11.571	13.746	10.850	-	-	3.697	482	
2	37	16.530	19.637	9.918	9.819	16.431	-	-	3.990	506	
3	38	16.530	19.637	4.959	5.891	25.317	-	-	4.291	530	
4	39	-	-	-	-	-	-	-	4.555	554	
5	40	-	-	-	-	-	-	-	4.868	578	
6	41	-	-	-	-	-	-	-	5.181	602	
7	42	-	-	-	-	-	-	-	5.583	626	
8	43	-	-	-	-	-	-	-	5.979	650	
9	44	-	-	-	-	-	-	-	6.510	674	
10	45	-	-	-	-	-	-	-	7.076	698	
11	46	-	-	-	-	-	-	-	7.702	720	
12	47	-	-	-	-	-	-	-	8.507	720	
13	48	<i>HĐBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0</i>									

Lưu ý:

1. Minh họa về phân bổ Phí BH cho trường hợp BMBH chỉ đóng phí BH trong 3 năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản và Phí BH bổ sung của SPBHBT Nhóm 1 và không bao gồm Phí BH đóng thêm.
2. Khoản Khấu trừ hàng tháng sẽ được trừ từ GTTKHD.
3. (*) Các giá trị minh họa của Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng nêu ở bảng trên được áp dụng chung cho cả 2 mức Tỷ suất đầu tư dự kiến (gồm Tỷ suất đầu tư cao và Tỷ suất đầu tư thấp). Thông tin về các mức Tỷ suất đầu tư dự kiến, Quý khách vui lòng tham khảo nội dung chi tiết tại mục Ghi chú - điểm V của Tài liệu minh họa này.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH 1	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí BH được phân bổ			Khoản Khấu trừ hàng tháng*	
		Phí BH cơ bản	Phí BH bổ sung	Phí BH đóng thêm	Phí BH cơ bản	Phí BH bổ sung	Phí BH đóng thêm	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững	Phí rủi ro	Phí quản lý hợp đồng
1	36	16.530	19.637	13.833	11.571	13.746	138	24.545	-	-	3.697	482
2	37	16.530	19.637	13.833	9.918	9.819	138	30.125	-	-	3.990	506
3	38	16.530	19.637	13.833	4.959	5.891	138	39.012	-	-	4.291	530
4	39	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	4.555	554
5	40	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	4.868	578
6	41	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	5.181	602
7	42	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	5.583	626
8	43	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	5.979	650
9	44	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	6.510	674
10	45	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	7.076	698
11	46	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	7.702	720
12	47	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	8.507	720
13	48	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	9.325	720
14	49	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	10.145	720
15	50	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	11.026	720
16	51	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	11.990	720
17	52	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	13.045	720
18	53	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	14.239	720
19	54	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	15.484	720
20	55	16.530	19.637	13.833	-	-	138	49.862	-	-	16.873	720

Lưu ý:

1. Phí BH đóng thêm (nếu có) chỉ được phân bổ vào (các) Quỹ Liên kết Đơn vị vào ngày kết thúc Thời gian cân nhắc và được dùng để mua (các) Đơn vị quỹ theo Giá đơn vị quỹ vào Ngày định giá ngay sau ngày kết thúc Thời gian cân nhắc.
2. Khoản Khấu trừ hàng tháng sẽ được trừ từ GTTKHĐ.
3. (*) Các giá trị minh họa của Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng nêu ở bảng trên được áp dụng chung cho cả 2 mức Tỷ suất đầu tư dự kiến (gồm Tỷ suất đầu tư cao và Tỷ suất đầu tư thấp). Thông tin về các mức Tỷ suất đầu tư dự kiến, Quý khách vui lòng tham khảo nội dung chi tiết tại mục Ghi chú - điểm V của Tài liệu minh họa này.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

V. MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**1. Trường hợp BMBH chỉ đóng phí BH trong 3 năm hợp đồng đầu tiên (thời gian đóng phí bắt buộc)**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH 1	Phí BH được phân bổ	CÁC GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO)							Yêu cầu rút tiền	
			Giá trị Quỹ			QL Duy trì Hợp đồng	GTTKHD	QLBH Tử vong	Giá trị Hoàn lại		
			Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững						
1	36	10.850	7.437	-	-	-	7.437	1.007.437	-	-	
2	37	16.431	21.286	-	-	-	21.286	1.021.286	4.756	-	
3	38	25.317	45.699	-	-	-	45.699	1.045.699	29.169	-	
4	39	-	44.413	-	-	-	44.413	1.044.413	32.015	-	
5	40	-	42.659	-	-	-	42.659	1.042.659	34.394	-	
6	41	-	40.407	-	-	-	40.407	1.040.407	36.274	-	
7	42	-	37.497	-	-	-	37.497	1.037.497	37.497	-	
8	43	-	33.887	-	-	-	33.888	1.033.888	33.888	-	
9	44	-	29.375	-	-	-	29.375	1.029.375	29.375	-	
10	45	-	23.851	-	-	-	23.851	1.023.851	23.851	-	
11	46	-	17.148	-	-	-	17.148	1.017.148	17.148	-	
12	47	-	9.005	-	-	-	9.005	1.009.005	9.005	-	
13	48	-	HĐBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0								

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	-	Tổng số năm đóng phí (dự kiến):	3 năm
Quyền lợi Tuổi vàng:	-	Tổng số phí đóng (dự kiến):	108.501.600 đồng
		Tổng số tiền dự kiến rút:	-

Lưu ý:

- Minh họa về quyền lợi bảo hiểm cho trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản và Phí BH bổ sung của SPBHBT Nhóm 1, không bao gồm Phí BH đóng thêm.
- Khoản Khấu trừ hàng tháng sẽ được trừ từ GTTKHD.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN VĂN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN VĂN A

Tài liệu minh họa số: **IBBQ 20230313151410 - 17007400**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 06/02/2023

Chữ ký:

Trang 13/ 23

Ngày lập: 13/03/2023 15:14:10

CHH0NBEL230010V

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH được phân bổ	CÁC GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO)								Yêu cầu rút tiền
			Giá trị Quỹ			QL Duy trì Hợp đồng	GTTKHD	QLBH Tử vong	Giá trị Hoàn lại		
			Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững						
1	36	10.850	6.757	-	-	-	6.757	1.006.757	-	-	
2	37	16.431	18.900	-	-	-	18.900	1.018.900	2.370	-	
3	38	25.317	39.812	-	-	-	39.812	1.039.812	23.282	-	
4	39	-	35.073	-	-	-	35.073	1.035.073	22.676	-	
5	40	-	29.948	-	-	-	29.948	1.029.948	21.683	-	
6	41	-	24.435	-	-	-	24.435	1.024.435	20.302	-	
7	42	-	18.437	-	-	-	18.437	1.018.437	18.437	-	
8	43	-	11.956	-	-	-	11.956	1.011.956	11.956	-	
9	44	-	4.852	-	-	-	4.853	1.004.853	4.853	-	
10	45	-	<i>HĐBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0</i>								

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	-	Tổng số năm đóng phí (dự kiến):	3 năm
Quyền lợi Tuổi vàng:	-	Tổng số phí đóng (dự kiến):	108.501.600 đồng
		Tổng số tiền dự kiến rút:	-

Lưu ý:

1. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm cho trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản và Phí BH bổ sung của SPBHBT Nhóm 1, không bao gồm Phí BH đóng thêm.
2. Khoản Khấu trừ hàng tháng sẽ được trừ từ GTTKHD.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN VĂN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN VĂN A

Tài liệu minh họa số: **IBBQ 20230313151410 - 17007400**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 06/02/2023

Chữ ký:

Trang 14/ 23

Ngày lập: 13/03/2023 15:14:10

CHH0NBEL230010V

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH 1	Phí BH được phân bổ	CÁC GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO)							Yêu cầu rút tiền
			Giá trị Quỹ			QL Duy trì Hợp đồng	GTTKHD	QLBH Từ vong	Giá trị Hoàn lại	
			Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững					
1	36	24.545	22.350	-	-	-	22.350	1.022.350	14.913	-
2	37	30.125	52.447	-	-	-	52.447	1.052.447	35.917	-
3	38	39.012	94.547	-	-	-	94.547	1.094.547	78.017	-
4	39	49.862	151.907	-	-	-	151.908	1.151.907	139.510	-
5	40	49.862	214.020	-	-	-	214.020	1.214.020	205.755	-
6	41	49.862	281.374	-	-	-	281.374	1.281.374	277.242	-
7	42	49.862	354.210	-	-	-	354.210	1.354.210	354.210	-
8	43	49.862	433.088	-	-	-	433.088	1.433.088	433.088	-
9	44	49.862	518.403	-	-	-	518.404	1.518.404	518.404	-
10	45	49.862	614.145	-	-	3.306	614.145	1.614.145	614.145	-
11	46	49.862	714.277	-	-	-	714.277	1.714.277	714.277	-
12	47	49.862	822.479	-	-	-	822.479	1.822.479	822.479	-
13	48	49.862	939.452	-	-	-	939.452	1.939.453	939.453	-
14	49	49.862	1.066.229	-	-	-	1.066.229	2.066.229	1.066.229	-
15	50	49.862	1.203.114	-	-	-	1.203.114	2.203.114	1.203.114	-
16	51	49.862	1.351.171	-	-	-	1.351.171	2.351.171	1.351.171	-
17	52	49.862	1.511.300	-	-	-	1.511.300	2.511.300	1.511.300	-
18	53	49.862	1.684.827	-	-	-	1.684.827	2.684.827	1.684.827	-
19	54	49.862	1.872.096	-	-	-	1.872.096	2.872.096	1.872.096	-
20	55	49.862	2.082.841	-	-	8.265	2.082.841	3.082.841	2.082.841	-

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	11.571.000 đồng	Tổng số năm đóng phí (dự kiến):	20 năm
Quyền lợi Tuổi vàng:	-	Tổng số phí đóng (dự kiến):	1.000.000.000 đồng
		Tổng số tiền dự kiến rút:	-

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Năm HD	Tuổi NDBH 1	Phí BH được phân bổ	CÁC GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO)							Yêu cầu rút tiền
			Giá trị Quỹ			QL Duy trì Hợp đồng	GTTKHD	QLBH Tử vong	Giá trị Hoàn lại	
			Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững					
1	36	24.545	20.588	-	-	-	20.588	1.020.588	13.831	-
2	37	30.125	46.701	-	-	-	46.701	1.046.701	30.171	-
3	38	39.012	81.723	-	-	-	81.723	1.081.723	65.193	-
4	39	49.862	127.764	-	-	-	127.764	1.127.764	115.367	-
5	40	49.862	173.926	-	-	-	173.926	1.173.926	165.661	-
6	41	49.862	220.218	-	-	-	220.218	1.220.218	216.086	-
7	42	49.862	266.538	-	-	-	266.538	1.266.538	266.538	-
8	43	49.862	312.899	-	-	-	312.899	1.312.899	312.899	-
9	44	49.862	359.165	-	-	-	359.165	1.359.165	359.165	-
10	45	49.862	408.618	-	-	3.306	408.618	1.408.618	408.618	-
11	46	49.862	454.596	-	-	-	454.596	1.454.596	454.596	-
12	47	49.862	500.226	-	-	-	500.226	1.500.226	500.226	-
13	48	49.862	545.489	-	-	-	545.489	1.545.489	545.489	-
14	49	49.862	590.396	-	-	-	590.396	1.590.396	590.396	-
15	50	49.862	634.850	-	-	-	634.850	1.634.850	634.850	-
16	51	49.862	678.780	-	-	-	678.780	1.678.780	678.780	-
17	52	49.862	722.088	-	-	-	722.088	1.722.088	722.088	-
18	53	49.862	764.651	-	-	-	764.651	1.764.651	764.651	-
19	54	49.862	806.366	-	-	-	806.366	1.806.366	806.366	-
20	55	49.862	855.366	-	-	8.265	855.366	1.855.366	855.366	-

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	11.571.000 đồng	Tổng số năm đóng phí (dự kiến):	20 năm
Quyền lợi Tuổi vàng:	-	Tổng số phí đóng (dự kiến):	1.000.000.000 đồng
		Tổng số tiền dự kiến rút:	-

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Ghi chú:

- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết Đơn vị.
- Giá trị Hoàn lại được xác định bằng GTTKHĐ tại Ngày định giá ngay sau ngày HDBH chấm dứt hiệu lực, trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng và các Khoản nợ (nếu có).
- Các Khoản nợ của HDBH (nếu có), sẽ được khấu trừ trước khi chi trả bất cứ Quyền lợi bảo hiểm hoặc Quyền lợi Đầu tư nào.
- HDBH mất hiệu lực nếu GTTKHĐ không đủ chi trả cho các Khoản Khấu trừ hàng tháng, ngoại trừ trường hợp HDBH được đảm bảo duy trì trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên theo điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm.
- Các giao dịch về thay đổi Mệnh giá Bảo hiểm, tham gia/chấm dứt sản phẩm bảo hiểm bổ trợ, yêu cầu rút tiền từ GTTKHĐ và các giao dịch khác liên quan đến HDBH phải được BMBH gửi yêu cầu bằng văn bản (theo mẫu cho Chubb Life) và chỉ có hiệu lực sau khi được Chubb Life chấp thuận bằng văn bản.
- Theo quy định của pháp luật, tài liệu minh họa này chỉ thể hiện quyền lợi đầu tư trong 20 năm. Trường hợp BMBH tiếp tục đóng phí để duy trì HDBH thì GTTKHĐ vẫn sẽ tiếp tục được đầu tư và hưởng kết quả đầu tư thông qua các Quỹ Liên kết Đơn vị.
- Các mức Tỷ suất đầu tư cao, thấp trong các Bảng minh họa nêu trên được giả định như trong bảng Tỷ suất đầu tư dự kiến dưới đây và giả định là không thay đổi trong suốt Thời hạn HDBH. Tỷ suất đầu tư dự kiến hoàn toàn chỉ mang tính chất minh họa và **KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO**.

Quỹ Liên kết Đơn vị	Tỷ suất đầu tư dự kiến	
	Cao	Thấp
Quỹ Tăng trưởng	8,9%	1,0%
Quỹ Cân bằng	7,0%	2,0%
Quỹ Bền vững	5,5%	3,0%

- Giá đơn vị quỹ của các Quỹ Liên kết Đơn vị có thể tăng hoặc giảm nên Tỷ suất đầu tư thực tế từ hoạt động của Quỹ Liên kết Đơn vị có thể **CAO HƠN** hoặc **THẤP HƠN** mức Tỷ suất đầu tư dự kiến.
- GTTKHĐ phụ thuộc vào kết quả của các khoản đầu tư trong từng Quỹ Liên kết Đơn vị và có thể **THẤP HƠN** tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ*

VI. THÔNG TIN VỀ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

1. THÔNG TIN CHUNG

Quỹ Liên kết Đơn vị	Mục tiêu	Danh mục đầu tư	Tỷ lệ đầu tư		Lợi nhuận kỳ vọng và mức độ rủi ro
			Tối thiểu	Tối đa	
Quỹ Tăng trưởng	Tối đa hóa lợi nhuận từ trung đến dài hạn	Cổ phiếu	70%	100%	Cao
		Công cụ thị trường tiền tệ	0%	30%	
Quỹ Cân bằng	Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn	Cổ phiếu	35%	65%	Trung bình
		Tài sản có thu nhập cố định	35%	65%	
		Công cụ thị trường tiền tệ	0%	30%	
Quỹ Bền vững	Tạo thu nhập ổn định và bảo toàn vốn	Tài sản có thu nhập cố định	70%	100%	Thấp
		Công cụ thị trường tiền tệ	0%	30%	

Ghi chú:

- Cổ phiếu bao gồm nhưng không giới hạn: Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và các chứng khoán liên quan đến cổ phiếu phát sinh từ thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu.
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm nhưng không giới hạn: tiền mặt tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống và các sản phẩm đầu tư thị trường tiền tệ khác mà pháp luật cho phép.
- Tài sản có thu nhập ổn định bao gồm nhưng không giới hạn: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn trên 03 tháng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép.
- Các Quỹ Liên kết Đơn vị nêu trên được quản lý bởi Công ty quản lý quỹ VinaCapital.

2. ĐỊNH GIÁ ĐƠN VỊ QUỸ

- Tài sản của Quỹ Liên kết Đơn vị được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị quỹ.
- Giá đơn vị quỹ được xác định bằng cách lấy Giá trị tài sản ròng của Quỹ Liên kết Đơn vị chia cho số lượng Đơn vị quỹ của Quỹ liên kết Đơn vị đó tại Ngày định giá (Thứ 5 hàng tuần) và được công bố trên website <https://www.chubb.com/vn-vn/customer-service/unit-price-notice.html> . Định kỳ định giá Đơn vị quỹ tối thiểu là 1 lần/tuần (trừ trường hợp lễ Tết hoặc do nguyên nhân bất khả kháng).
- Giá đơn vị quỹ có thể **tăng hoặc giảm** tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết Đơn vị. Kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết Đơn vị là **KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO** và có thể cho kết quả âm.
- Giá trị của Quỹ Liên kết Đơn vị có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng và phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết Đơn vị.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

3. BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG QUYỀN LỢI CHO KHÁCH HÀNG

Chubb Life sẽ áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của BMBH:

- a) Thay đổi tên của (các) Quỹ Liên kết Đơn vị;
- b) Đóng (các) Quỹ Liên kết Đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang Quỹ Liên kết Đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
- c) Chia tách và/hoặc sáp nhập các Quỹ Liên kết Đơn vị hiện có;
- d) Ngừng định giá Đơn vị quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng Bảo hiểm trong trường hợp Sở giao dịch chứng khoán và/hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán mà (các) Quỹ Liên kết Đơn vị đang đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
- e) Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật;

Khi thực hiện các biện pháp (a), (b), (c) và (e), Chubb Life sẽ thông báo cho BMBH bằng văn bản ít nhất 3 ngày trước khi áp dụng.

4. CÁC QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- **Chỉ định Tỷ lệ Đầu tư:** Chỉ định Tỷ lệ Đầu tư vào từng Quỹ Liên kết Đơn vị phù hợp với mục tiêu đầu tư và khả năng chấp nhận rủi ro.
- **Thay đổi Tỷ lệ Đầu tư:** Yêu cầu thay đổi Tỷ lệ Đầu tư theo nhu cầu tại từng thời điểm.
- **Chuyển đổi quỹ:** Chuyển đổi tài sản linh hoạt giữa các Quỹ Liên kết Đơn vị.
- **Đầu tư thêm:** Phí bảo hiểm đóng thêm tối đa lên đến 10 lần Phí Bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên.
- **Rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng:** Yêu cầu rút tiền từ GTTKHD được thực hiện theo thứ tự từ GTTK Đầu tư thêm sau đó đến GTTK Cơ bản.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

VII. GIẢI THÍCH CÁC LOẠI CHI PHÍ KHẤU TRỪ VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

Phí ban đầu

Là khoản phí được khấu trừ từ số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6+
% của Phí BH cơ bản	70%	60%	30%	0%	0%	0%
% Phí BH bổ sung của Sản phẩm Bảo hiểm Bỗ trợ Nhóm 1	70%	50%	30%	0%	0%	0%
% của Phí BH đóng thêm	1%	1%	1%	1%	1%	1%

Phí BH được phân bổ

Là khoản phí được phân bổ vào (các) Quỹ Liên kết Đơn vị từ Phí BH cơ bản, Phí BH bổ sung của Sản phẩm Bảo hiểm Bỗ trợ Nhóm 1 (nếu có) và Phí BH đóng thêm (nếu có) sau khi trừ Phí ban đầu.

Phí rủi ro

Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHĐ để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại HĐBH. Phí rủi ro của HĐBH sẽ bao gồm Phí rủi ro của Sản phẩm Bảo hiểm chính và Phí rủi ro của (các) Sản phẩm Bảo hiểm Bỗ trợ Nhóm 1 (nếu có).

Phí quản lý hợp đồng

Là khoản phí để chi trả cho các chi phí thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực HĐBH và cung cấp thông tin liên quan đến HĐBH, và được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHĐ. Phí quản lý hợp đồng là 40.000 đồng/tháng trong năm 2023 và được tự động điều chỉnh vào ngày 01/01 hàng năm với mức tăng là 2.000 đồng/tháng so với mức cố định của năm liền trước. Phí quản lý hợp đồng tối đa là 60.000 đồng/tháng.

Phí quản lý quỹ

Là khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết Đơn vị. Khoản phí này được tính trên tổng tài sản của Quỹ và được khấu trừ trước khi xác định giá trị tài sản ròng của mỗi Quỹ tại Ngày định giá. Phí quản lý quỹ chi tiết như dưới đây:

Quỹ Liên kết Đơn vị	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Cân bằng	Quỹ Bền vững
Phí quản lý quỹ tối đa hàng năm (% trên tổng tài sản của Quỹ)	2,0%	1,5%	1,0%

Phí chuyển đổi quỹ

Trong mỗi Năm hợp đồng, Chubb Life sẽ miễn phí chuyển đổi quỹ cho 06 lần chuyển đổi đầu tiên. Từ lần chuyển đổi thứ 07 trở đi, Phí chuyển đổi quỹ là 50.000 đồng/lần chuyển đổi và sẽ được khấu trừ từ số tiền yêu cầu chuyển đổi.

Phí chấm dứt hợp đồng

Là khoản phí được áp dụng khi HĐBH chấm dứt trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ % tổng Phí BH cơ bản của HĐBH tại cuối Năm hợp đồng đầu tiên như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7+
% của tổng Phí BH cơ bản cuối Năm hợp đồng đầu tiên	100%	75%	50%	25%	0%

Phí rút tiền

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH rút tiền từ GTTK Cơ bản trong 06 Năm hợp đồng đầu tiên và được xác định bằng 3% tính trên tổng số tiền rút từ GTTK Cơ bản.

Lưu ý: Các khoản phí nêu trên có thể thay đổi nếu được sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Mọi thay đổi về các khoản phí (nếu có), sẽ được Chubb Life thông báo với BMBH ít nhất 3 tháng trước thời điểm áp dụng.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

VIII. TÓM TẮT CÁC TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ BẢO HIỂM**Đối với sản phẩm Kế hoạch Tài chính Chủ động**

- Tự tử trong vòng 24 tháng từ Ngày hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm gần nhất (nếu có);
- Nhiễm HIV, bị AIDS, hoặc những bệnh liên quan đến HIV/AIDS;
- Sử dụng trái phép ma túy hoặc các chất gây nghiện khác;
- Bị thi hành án tử hình, do hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết về điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Điều 5 Bản Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Kế hoạch Tài chính Chủ động.

Đối với Sản phẩm Bảo hiểm Bồi trợ Nhóm 1 - Bảo hiểm Tử vong hoặc Tàn tật do Tai nạn Mở rộng

- Tham gia ẩu đả, đánh nhau;
- Chạy xe quá tốc độ hoặc điều khiển/tham gia điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn;
- Tình trạng tồn tại trước.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết về điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Điều 2 Bản Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm BHBT này.

Đối với Sản phẩm Bảo hiểm Bồi trợ Nhóm 1 - Bảo hiểm Thương tật Toàn bộ và Vĩnh viễn

- Tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Tình trạng tồn tại trước.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết về điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Điều 2 Bản Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm BHBT này.

Đối với Sản phẩm Bảo hiểm Bồi trợ Nhóm 1 - Bảo hiểm theo Mức độ cho Bệnh Nan Y

- Các bệnh lý bẩm sinh;
- Tình trạng tồn tại trước hoặc Bệnh Nan Y được chẩn đoán trong thời gian hoãn áp dụng;
- Các trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại danh sách các Bệnh Nan Y được bảo hiểm.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết về điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Điều 2 Bản Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm BHBT này.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Đối với Sản phẩm Bảo hiểm Bồi trợ Nhóm 1 - Bảo hiểm Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng

- Tham gia ẩu đả, đánh nhau;
- Chạy xe quá tốc độ hoặc điều khiển/tham gia điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn;
- Điều trị liên quan đến thai sản, mắt và/hoặc tai, hoặc điều trị nha khoa ngoại trừ do Tai nạn;
- Điều trị các bệnh/ rối loạn tâm thần hay rối loạn tâm lý hay các rối loạn về giấc ngủ;
- Bệnh hoặc tình trạng bất thường do bẩm sinh, di truyền;
- Tình trạng tồn tại trước hoặc bệnh trong thời gian hoãn áp dụng.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết về điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Điều 2 Bản Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm BHBT này.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN VĂN A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN VĂN A

Tài liệu minh họa số: **IBBQ 20230313151410 - 17007400**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 06/02/2023

Chữ ký:

Trang 22/ 23

Ngày lập: 13/03/2023 15:14:10

CHH0NBEL230010V

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM:

- ✓ Tôi/Chúng tôi đã được Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) có tên dưới đây (i) phân tích nhu cầu và khả năng tài chính, (ii) khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro và (iii) tư vấn đầy đủ về Quy tắc & Điều khoản, quyền lợi bảo hiểm, loại trừ bảo hiểm của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ trong Tài liệu minh họa.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính Chủ động cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, hiểu rõ về Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư khi tham gia Kế hoạch Tài chính Chủ động.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Chủ động là một cam kết dài hạn và việc hủy bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng Bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi Phí Bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng không đủ thanh toán Khoản Khấu trừ hàng tháng.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng các quyền lợi được minh họa tại Tài liệu minh họa này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư.

NGUYỄN VĂN A

Bên mua Bảo hiểm

(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN KINH DOANH:

Tôi cam đoan và xác nhận đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho BMBH có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa này và các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ